

Cảng container nước sâu hàng đầu Việt Nam



Nội dung

01

TỔNG QUAN

Các cảng container tại Việt Nam và khu vực Cái Mép – Thị Vải

02

TỔNG QUAN VỀ TCIT

Thông tin chung và những lợi thế của cảng TCIT

03

CÁC TUYẾN DỊCH VỤ QUỐC TẾ

Thông tin về các tuyến dịch vụ quốc tế hiện hữu tại TCIT

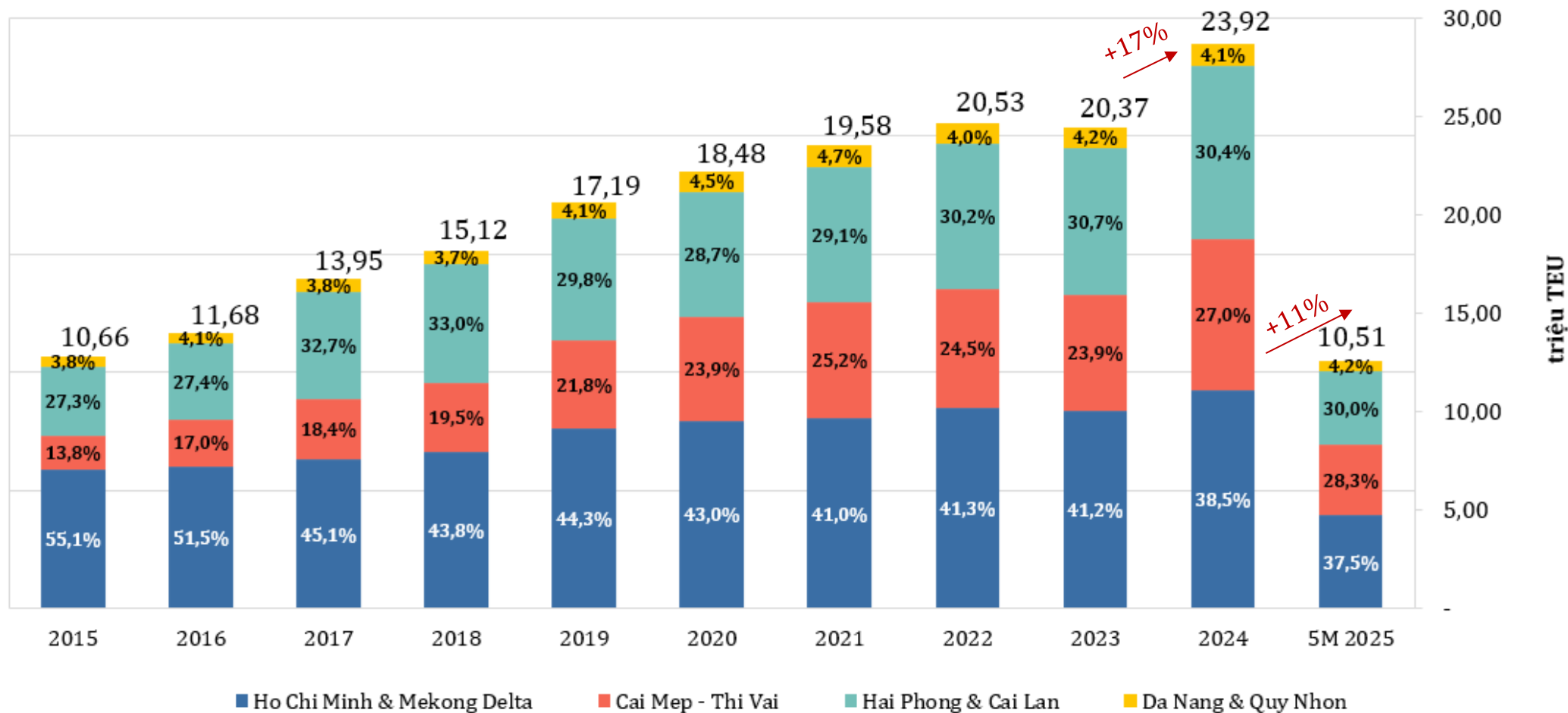


TỔNG QUAN

Các cảng container tại Việt Nam và
khu vực Cái Mép – Thị Vải

TỔNG QUAN

Sản lượng thông qua các cảng ở Việt Nam (2011 – 5M.2025)





Cụm cảng container khu vực Cái Mép – Thị Vải

Tên cảng	Độ sâu luồng	Thời gian đi vào hoạt động	Số tuyến dịch vụ	Chủ đầu tư
SITV	12 m	08/2010	0	Cty Đầu tư Xây dựng Sài Gòn, HPH
SP-PSA	12m	05/2009	0	Cảng Sài Gòn, Vinalines, PSA
TCIT	14m	01/2011	11	SNP, MOL, Hanjin, WHL
CMIT	15,5m	04/2011	7	Vinalines, Cảng Sài Gòn, APM
TCTT	15,5m	01/2014	8	SNP
SSIT	15,5m	08/2014	8	Cảng Sài Gòn, Vinalines, SSA Marine
Gemalink	15,5m	01/2021	12	Gemadep, CMA CGM Link
Cai Mep Dowstream				Đang đợi phê duyệt

Các dự án tăng cường kết nối cụm cảng Cái Mép



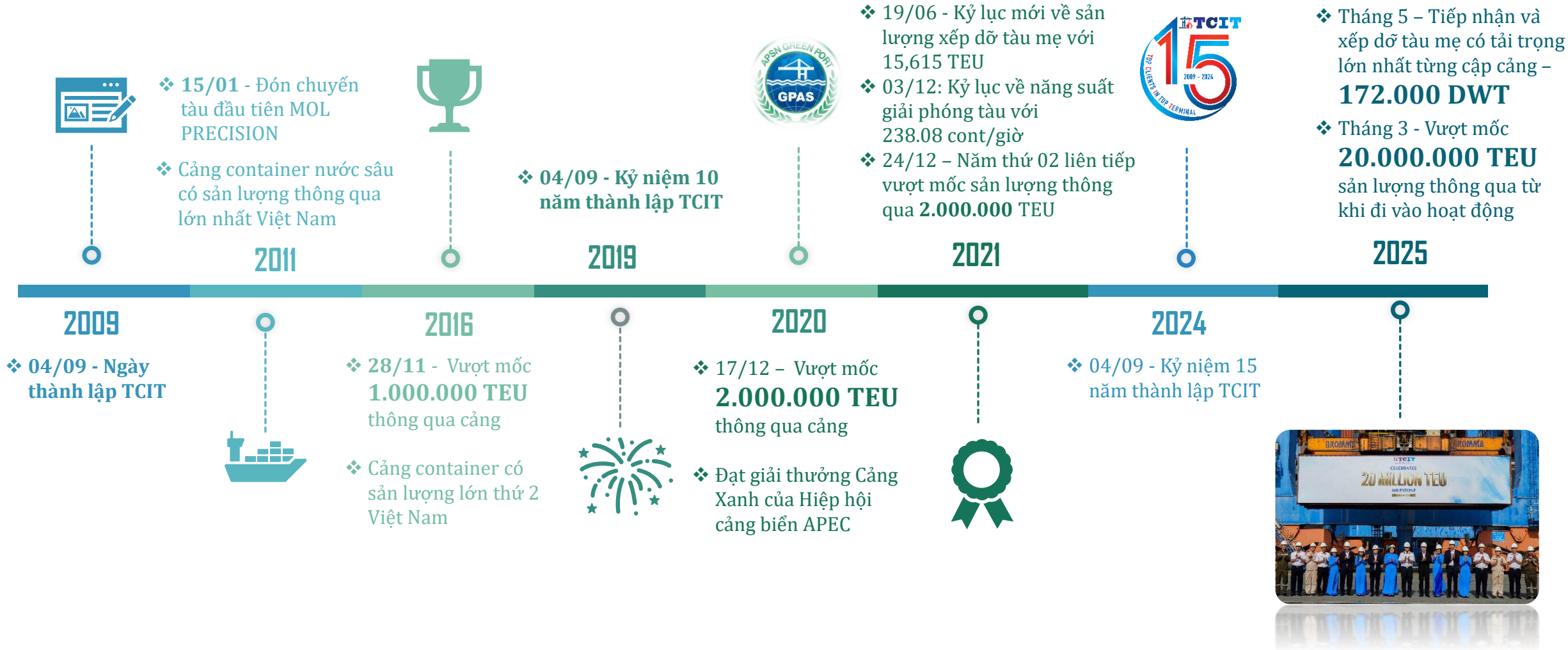


TỔNG QUAN VỀ TCIT

Thông tin chung và những lợi thế của cảng TCIT



NHỮNG CỘT MỐC NỔI BẬT



LỢI THẾ CỦA TCIT



CHIỀU DÀI CẦU TÀU

dài 890m, đủ khả năng tiếp nhận 2 tàu 14.000 TEU cùng một lúc giúp giảm thiểu thời gian chờ cập tàu



BẾN SÀ LAN RIÊNG BIỆT

03 bến sà lan riêng biệt dài 270m giúp việc vận hành trở nên thuận tiện hơn



NĂNG SUẤT CAO

rút ngắn thời gian làm hàng, tiết kiệm thời gian, chi phí cho hãng tàu, khách hàng



CÁC DỊCH VỤ GIA TĂNG

Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ khác như tàu lai dắt, hoa tiêu



ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

Phần mềm hiện đại, ứng dụng CNTT vào sản xuất



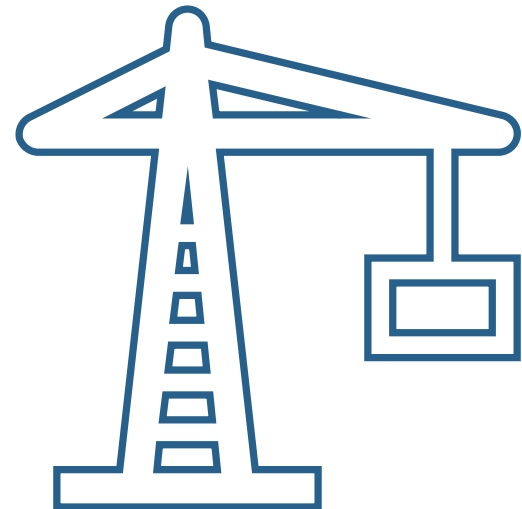
BIỂU GIÁ CẠNH TRANH

Tiết kiệm chi phí cho hãng tàu, khách hàng

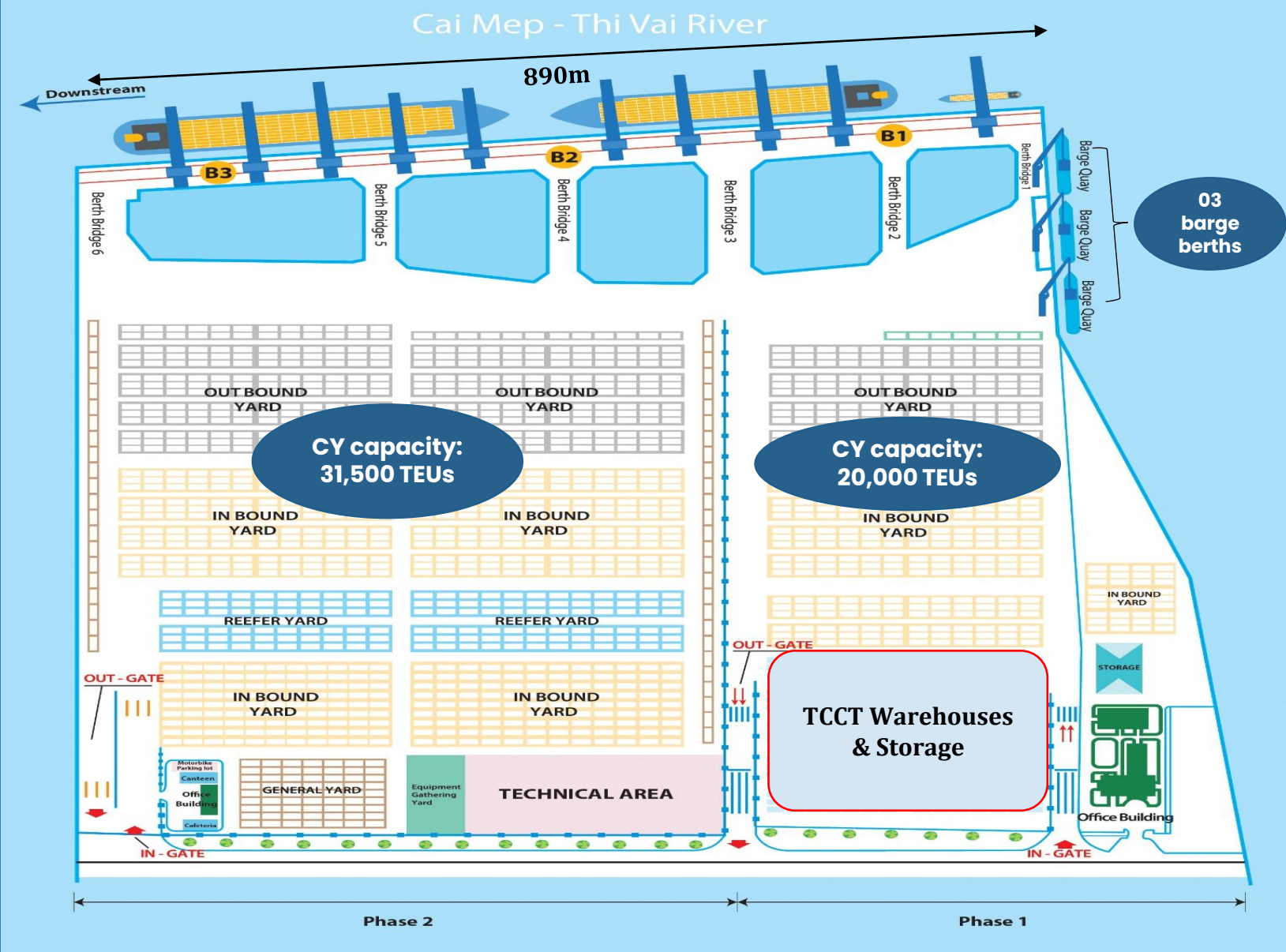






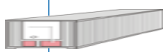
HỢP TÁC BỀN VỮNG

Quan hệ, hợp tác lâu bền với cảng Cát Lái và các ICD giúp cho việc vận chuyển diễn ra thuận lợi



CƠ SỞ HẠ TẦNG TẠI TCIT



Cơ sở hạ tầng	Tính đến thời điểm hiện tại
Sức chứa bãi	51.500 TEU
Chiều dài cầu bến	890m
Độ sâu (m)	-14m luồng -16,8m trước bến
Cầu bờ 	Bao gồm 10 cầu
Cầu bãi 	22 e-RTGs (6+1)
Cầu sà lan	3 bến * 3 cầu
Xe nâng hàng 	5 chiếc
Xe nâng rỗng	5 chiếc
Xe đầu kéo 	76 chiếc
Ổ cắm điện lạnh 	1.080 ổ
Đường kính vùng quay trở	500m
Công suất sử dụng bãi	70%
Công suất sử dụng bến (tàu mẹ)	60%



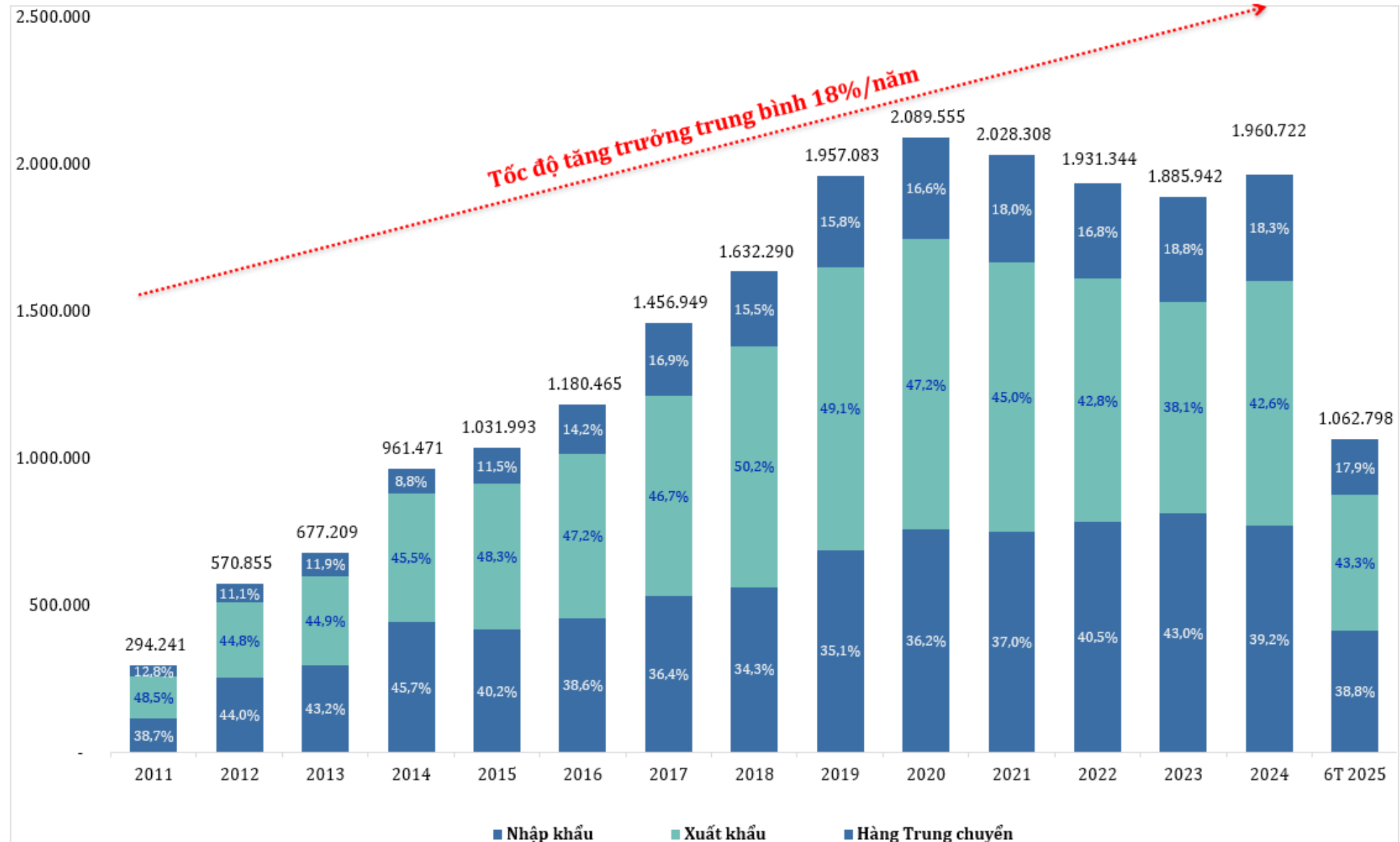


DV hoa tiêu

DV tàu lai

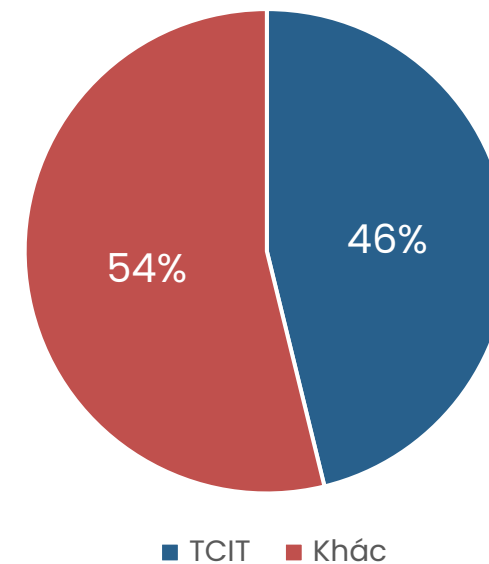
Tên tàu	Năm đóng tàu	Loại tàu	Năng lực	Sức kéo
Kamiya	1998	6L28HX-NIIGATA JP	4.000HP	53 tấn
Kasuga	2006	6L28HX-NIIGATA JP	4.000HP	52 tấn
Mirai	2003	6L28HLX-NIIGATA JP	5.000HP	67 tấn
Sea Tiger	2006	6L28HLX-NIIGATA JP	4.500HP	55 tấn
Sea Bear	2005	MTU 16V4000(M60)	4.434HP	52 tấn

NHÀ KHAI THÁC CẢNG GIÀU KINH NGHIỆM



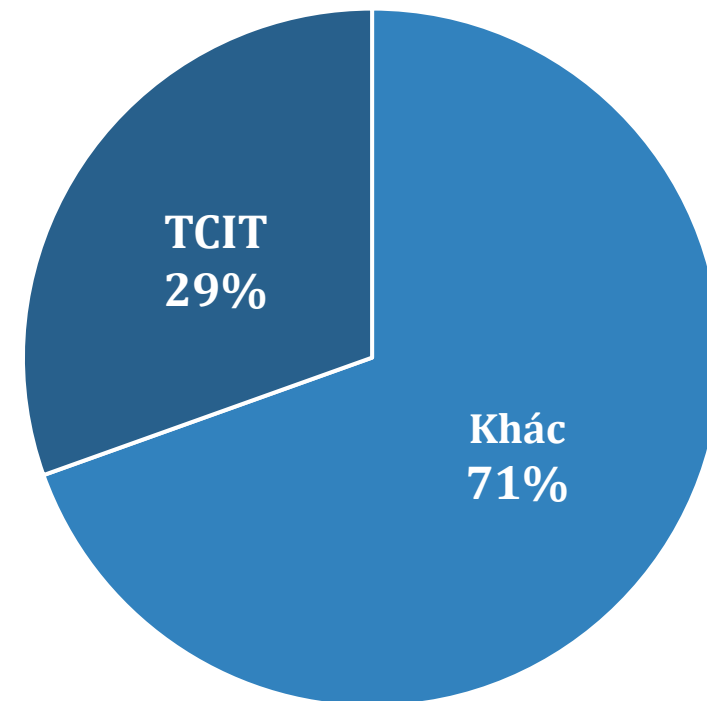
Sản lượng thông qua và thị phần trong khu vực CMTV (2011 - 2024)

Các cảng khu vực CM-TV	2023	2024	So sánh	
			TEU	%
TCIT	1.885.942	1.960.722	74.780	4,0%
TCTT	820.938	1.086.553	265.615	32,4%
CMIT	643.695	989.497	345.802	53,7%
SSIT	496.223	683.212	186.989	37,7%
GML	1.021.012	1.735.225	714.213	70,0%
Tổng cộng	4.867.810	6.455.209	1.587.399	32,6%



Sản lượng thông qua và thị phần trong khu vực CMTV (T1 - T7/2025)

Các cảng khu vực CM-TV	T1-T7 2024	T1-T7 2024	So sánh	
			TEU	%
TCIT	1.088.963	1.258.014	169.025	15,5%
TCTT	594.958	719.735	124.777	21,0%
CMIT	539.606	705.697	166.091	30,8%
SSIT	351.580	534.500	182.920	52,0%
GML	98.225	1.075.800	94.575	9,6%
Tổng cộng	3.556.332	4.293.746	737.414	20,7%



CÔNG NGHỆ: HỆ THỐNG ĐIỀU HÀNH CẢNG HIỆN ĐẠI



TOPS (Terminal Operations Package - System) được cung cấp bởi Công ty RBS/Úc.

CÔNG NGHỆ: ỨNG DỤNG CNTT & DỊCH VỤ GIA TĂNG

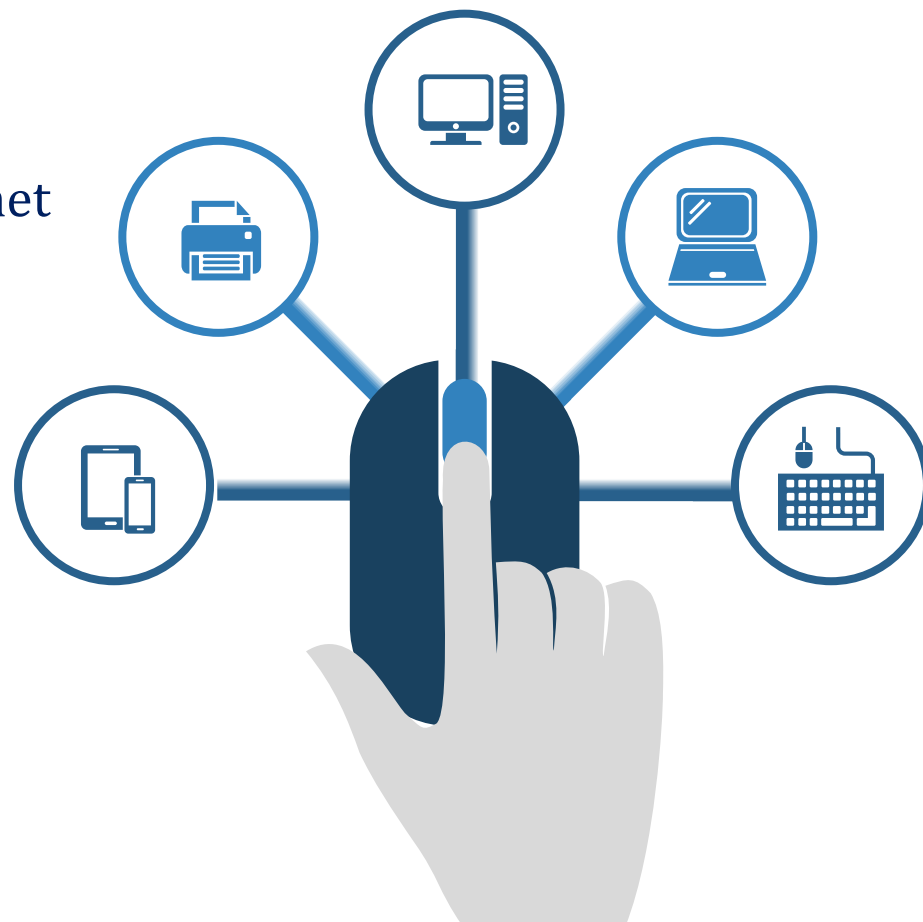
Hệ thống giám sát Hải quan tự
động e-Customs

E-Port thông qua Internet
& điện thoại

e-DO (Lệnh giao hàng
điện tử)

Dịch vụ **E - Banking &
Mobile Banking**

Tích hợp với chương trình
khai báo hải quan điện tử
(**VNACCS/VCIS**)



ĐẠT TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ NĂNG SUẤT XẾP DỠ



Năng suất Net:
120~160 cont/giờ

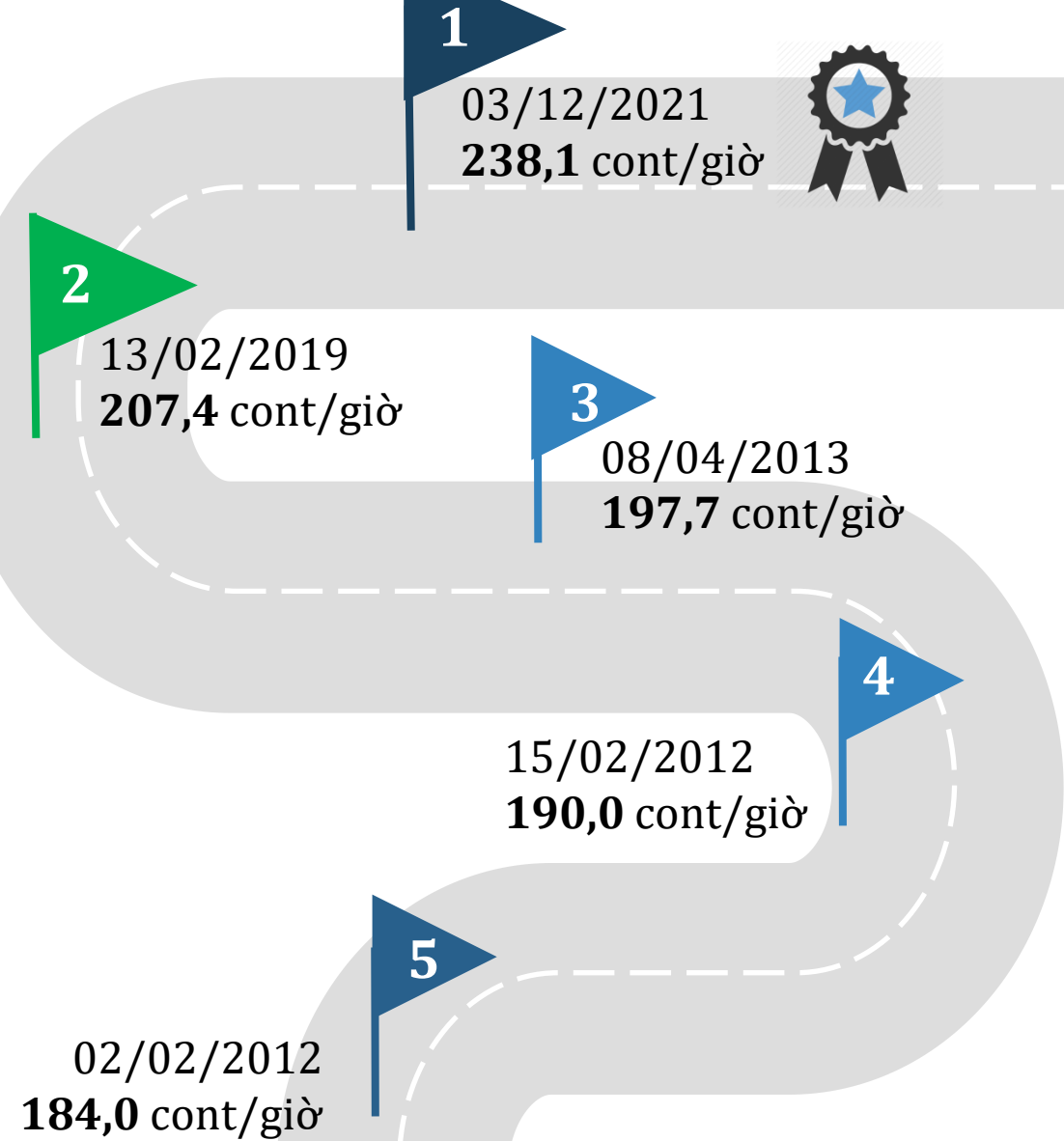


Năng suất port stay:
100~140 cont/giờ



Năng suất TB cầu:
28~30 cont/giờ/cầu

Năng suất xếp dỡ đạt chuẩn quốc tế



1
03/12/2021
238,1 cont/giờ

2
13/02/2019
207,4 cont/giờ

3
08/04/2013
197,7 cont/giờ

4
15/02/2012
190,0 cont/giờ

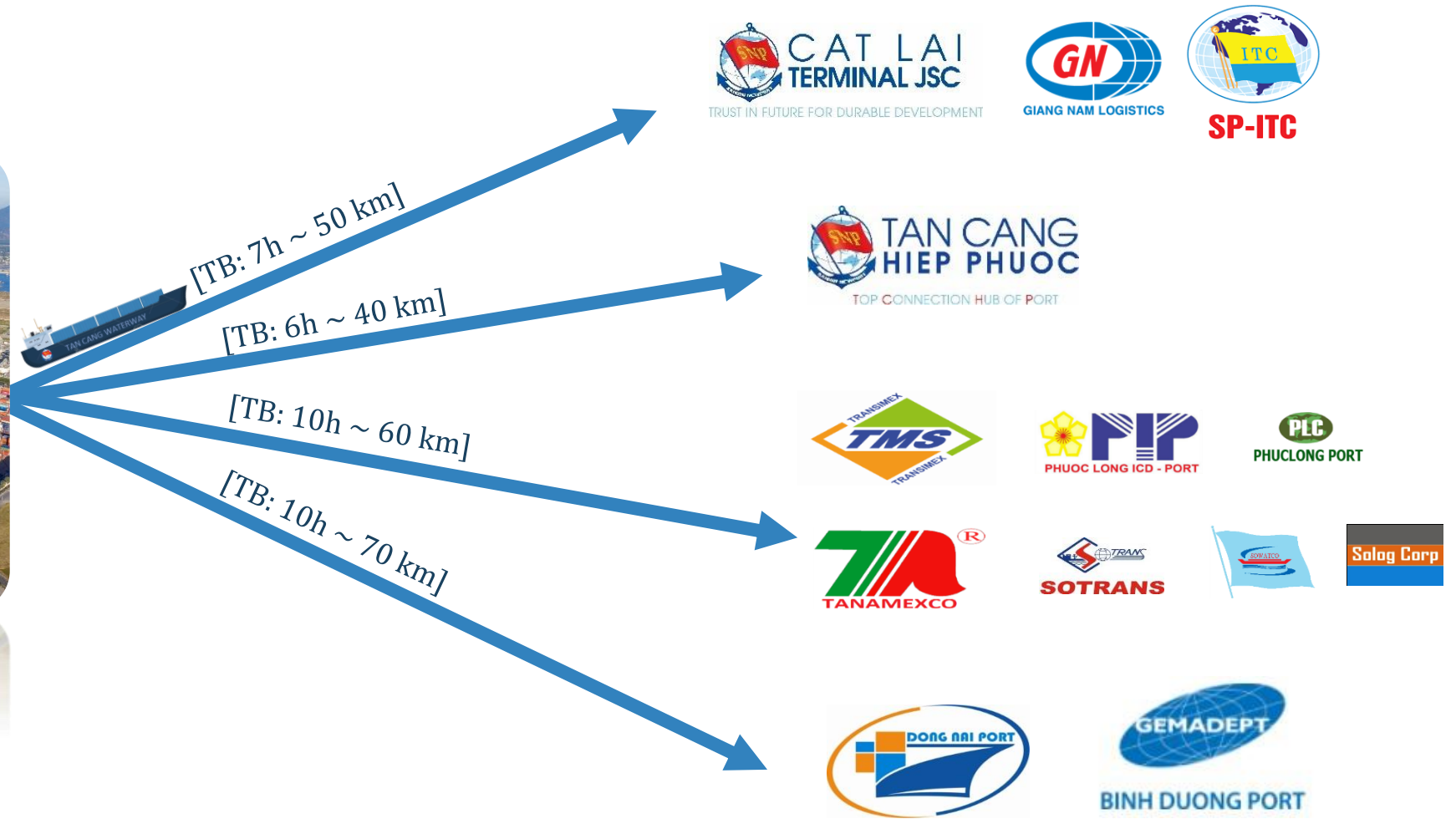
5
02/02/2012
184,0 cont/giờ



MẠNG LƯỚI KẾT NỐI LOGISTICS TOÀN DIỆN



TB: 30-40 chuyến/ ngày



MẠNG LƯỚI KẾT NỐI LOGISTICS TOÀN DIỆN

6%

TÀU NỘI ĐỊA

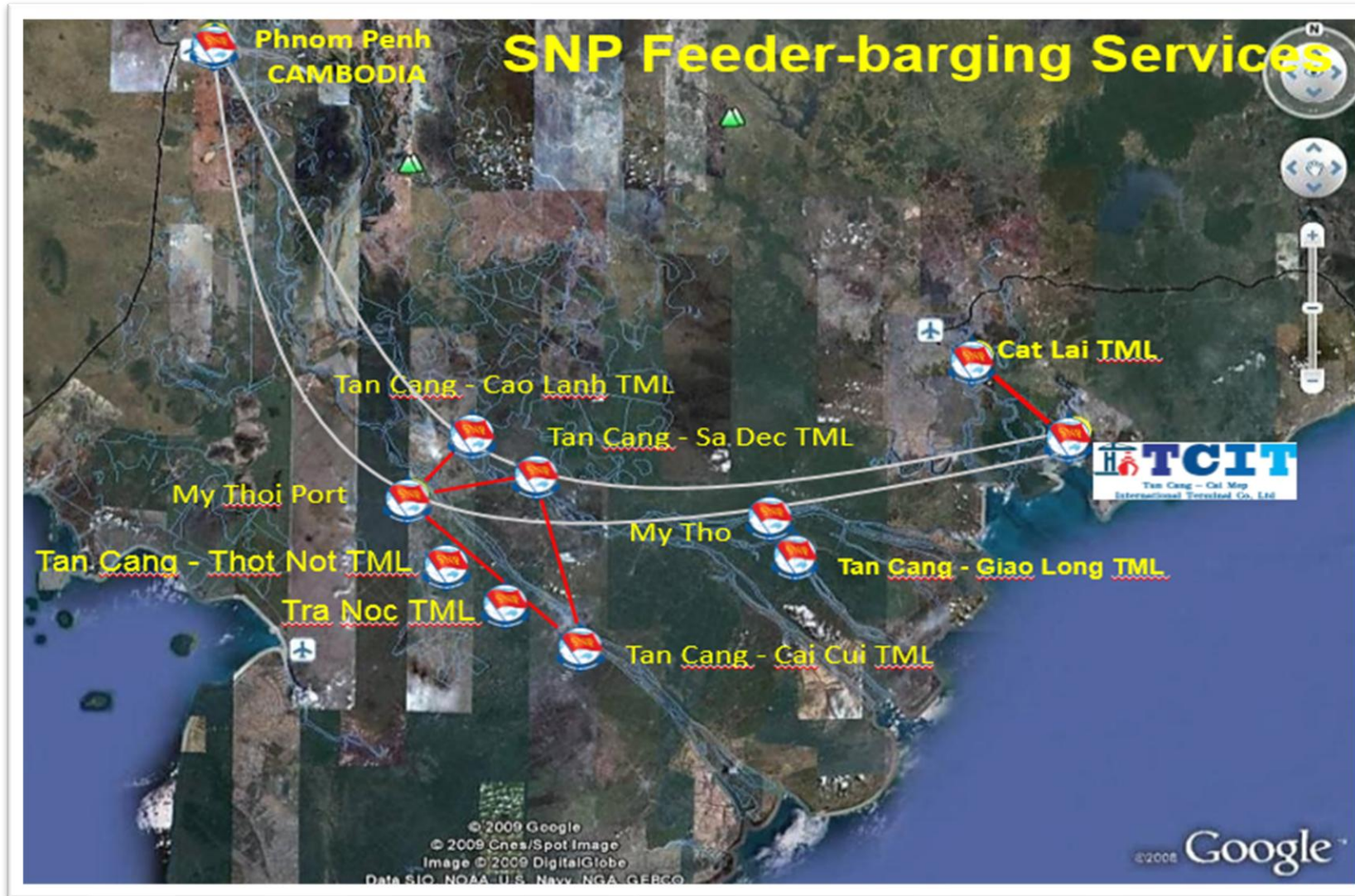
container được vận chuyển bằng tàu feeder từ/đến miền Bắc & miền Trung VN



Hãng tàu: Biển Đông, Hải An, GLS, VSICO, Tan Cang Shipping

Lộ trình: Hải Phòng – Đà Nẵng – Quy Nhơn – Cái Mép/Cát Lái (Hàng tuần)

MẠNG LƯỚI KẾT NỐI LOGISTICS TOÀN DIỆN



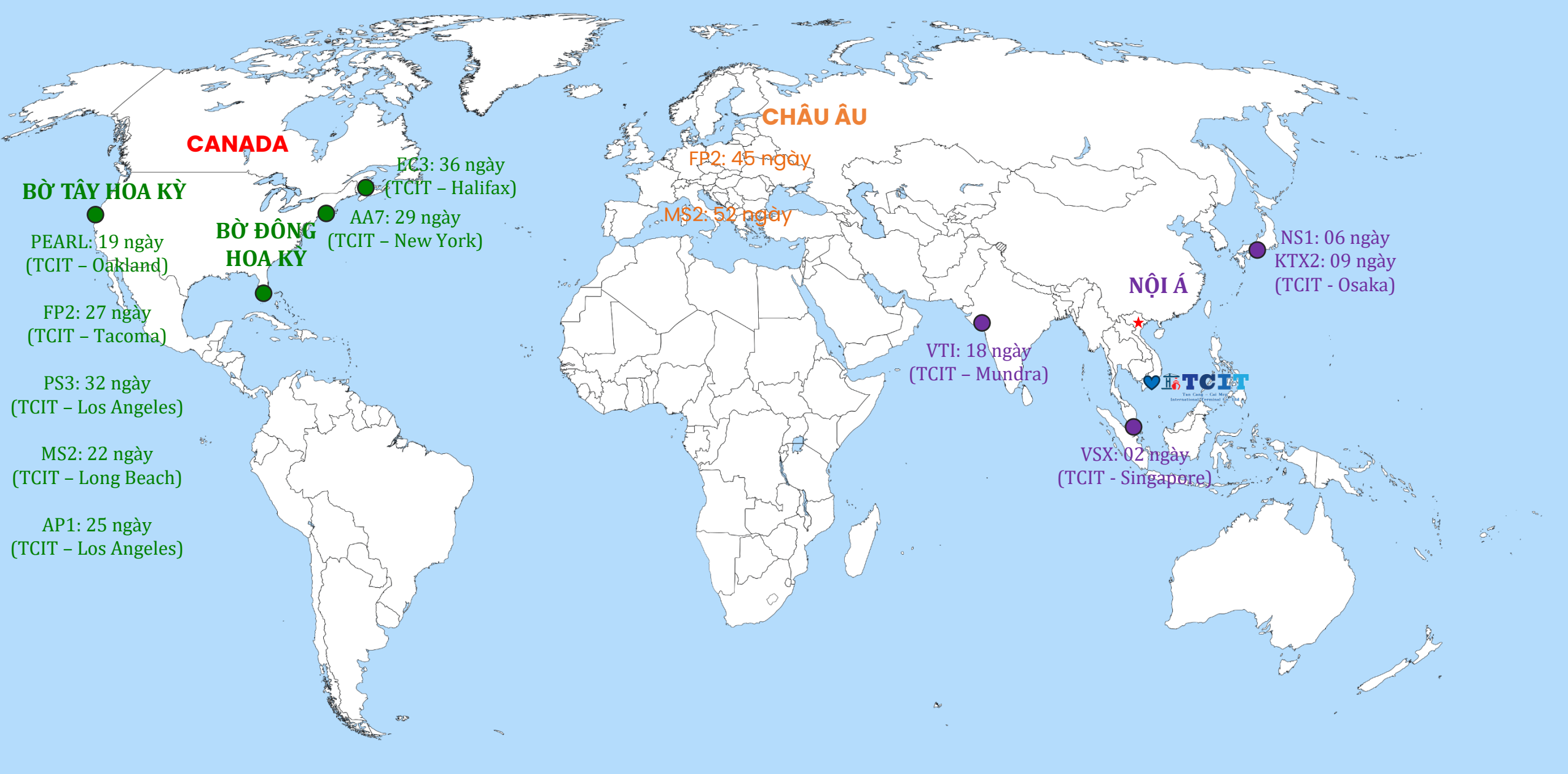
FEEDER CAMBODIA

6% container được vận chuyển bằng sà lan/tàu feeder từ/đến Campuchia và Cần Thơ



CÁC TUYỂN DỊCH VỤ QUỐC TẾ

Thông tin về các tuyển dịch vụ quốc tế hiện hữu tại TCIT



KẾT NỐI HÀNG HÓA TOÀN CẦU

BẮC MỸ (BỜ ĐÔNG & BỜ TÂY): 5 Tuyến
MỸ - CHÂU ÂU: 2 Tuyến

CÁC TUYẾN DỊCH VỤ QUỐC TẾ TẠI TCIT

Tuyến dịch vụ	Hãng tàu khai thác	Liên minh hãng tàu	Trọng tải tàu (teu)	Lộ trình
EC3	ONE, HMM, Yang Ming	Liên minh Premier	14.000	Châu Á – Bắc Mỹ (Bờ Đông), Canada
AA7	Wan Hai Lines, Hapag-Lloyd		8.000 – 15.000	Châu Á – Bắc Mỹ (Bờ Đông)
PS3	ONE, HMM, Yang Ming	Liên minh Premier	9.000	Châu Á – Bắc Mỹ (Bờ Tây)
MS2	ONE, HMM, Yang Ming	Liên minh Premier	14.000	Châu Á – Bắc Mỹ (Bờ Tây)
FP2	ONE, HMM, Yang Ming		6.000 – 12.000	Châu Á – Bắc Mỹ (Bờ Tây), Canada
AP1	Wan Hai Lines, ONE	Liên minh Premier	10.000 – 13.000	Châu Á – Bắc Mỹ (Bờ Tây)
PEARL	MSC		8.000 – 12.000	Châu Á – Bắc Mỹ (Bờ Tây)
NS1	Wan Hai Lines, Interasia Lines		4.578	Nội Á
VSX	ONE, Hai An		1.700	Nội Á
KTX2	OOCL		2.500 – 3.000	Nội Á
VTI	Interasia Lines		2.600 – 3.000	Nội Á

Các đối tác, khách hàng của TCIT





Thank you



Địa chỉ:

Tầng 7 toà nhà Saigon Newport,
P. Tân Phước, Thành phố HCM



Email:

Customer Service: cs@tcit.com.vn /
PR: pr@tcit.com.vn



Theo dõi Fanpage TCIT
để biết thêm thông tin!